

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/KDTM-ST
Ngày: 27- 5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
2. Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 50/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV; địa chỉ trụ sở: A, đường L, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đào Thị Thanh H, sinh năm 1997 (văn bản ủy quyền ngày 19/10/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đầu tư - xây dựng - thương mại HĐ; địa chỉ trụ sở: Số B, đường M, phường B, quận G, Tp.HCM. (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Lê Văn Th, sinh năm 1977. Chức danh - Giám đốc; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã b, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Th, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: số C, đường V, phường A, quận M, Tp. HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/6/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/9/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VNTV (gọi tắt là Ngân hàng) do bà Đào Thị Thanh H là đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 03/8/2017, Công Ty TNHH Đầu Tư – Xây dựng – Thương Mại HD (gọi tắt là công ty HD) và Ngân hàng TMCP VNTV Chi nhánh Sài Gòn, Phòng Giao dịch Tân Bình có ký Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0218/HDHM. Số tiền Công ty HD vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Lãi suất 22.2%/năm, cố định trong 03 tháng. Ngày giải ngân 03/8/2017, ngày đến hạn 03/8/2018.

Ngày 21/8/2017, Công ty HD và Ngân hàng ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm). Ngân hàng đã cấp thẻ cho Công ty HD với hạn mức tín dụng là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn cấp hạn mức là 60 tháng, mục đích sử dụng: chi tiêu, thanh toán hàng hóa dịch vụ doanh nghiệp.

Cả hai khoản vay trên được bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của cá nhân ông Lê Văn Th theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/2018/HDBL ngày 03/8/2017. Hai khoản tín dụng trên Ngân hàng cấp cho Công ty HD không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng:

Đối với hợp đồng cho vay DSA/Q11/17/0218/HDHM ngày 03/8/2017 Công ty HD đã trả cho Ngân hàng số tiền là 813.764.716 đồng, trong đó trả gốc là 681.841.724 đồng và trả lãi là 131.922.992 đồng. Do công ty HD vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay chuyển nợ quá hạn vào ngày 10/02/2018. Tính đến ngày 29/4/2022, Công ty HD còn nợ các khoản như sau:

Nợ gốc: 305.374.567 đồng

Nợ lãi trong hạn: 16.576.392 đồng

Nợ lãi quá hạn: 452.287.926 đồng

Phạt chậm trả: 140.885.617 đồng

Tổng số tiền còn nợ là: 915.124.502 đồng

Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 21/8/2017, tổng dư nợ phát sinh là 713.313.924 đồng, số tiền Công ty HD đã trả là 480.353.136 đồng. Tính đến ngày 29/4/2022, công ty HD còn nợ các khoản như sau:

Nợ gốc: 88.563.823 đồng

Nợ lãi: 187.713.723 đồng

Tổng số tiền còn nợ là: 276.277.546 đồng

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty HĐ trả một lần số tiền còn nợ của hai hợp đồng trên là 1.191.402.048 (một tỷ một trăm chín mươi một nghìn bốn trăm lẻ hai nghìn không trăm bốn mươi tám) đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 30/4/2022 Công ty HĐ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty HĐ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cả hai khoản vay trên thì Ngân hàng yêu cầu bên bảo lãnh là ông Lê Văn Th có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là Công ty TNHH Đầu tư - xây dựng - thương mại HĐ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Th để đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty TNHH Đầu tư - xây dựng - thương mại HĐ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty HĐ và Ngân hàng có ký với nhau các Hợp đồng tín dụng. Do Công ty HĐ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Tp. HCM. Căn Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Công ty HĐ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 03/8/2017 và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 21/8/2017 được ký giữa Ngân hàng và Công ty HĐ cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, các bản sao kê mà nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn là Công ty HĐ có thực hiện giao dịch với Ngân hàng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty HĐ có trách nhiệm trả lãi suất hàng tháng cho Ngân hàng, nhưng Công ty HĐ không thanh toán đúng thời hạn đã cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty HĐ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thỏa thuận về lãi suất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do Công ty HĐ vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty HĐ trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của 02 Hợp đồng tính đến ngày 29/4/2022 là 1.191.402.048 đồng. Kể từ ngày 30/4/2022, Công ty HĐ tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ theo thỏa thuận tại 02 hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

2.2. Xét Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0218/HDBL ngày 03/8/2017

Hợp đồng có thể hiện chữ ký của người bảo lãnh là ông Lê Văn Th, người được bảo lãnh là Công ty HĐ. Người bảo lãnh đồng ý chịu trách nhiệm bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân đối với các khoản nợ liên quan đến hợp đồng tín dụng nêu trên. Hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các điều 335, 336, 339 và 342 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, hợp đồng bảo lãnh không thể hiện cụ thể là tài sản gì và cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên bảo lãnh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty HĐ thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, Công ty HĐ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử buộc Công ty HĐ thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn - Công ty HĐ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 335, 336, 339, 342, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư - xây dựng - thương mại HĐ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/4/2022 là: 1.191.402.048 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng cho vay DSA/Q11/17/0218/HDHM ngày 03/8/2017: Nợ gốc: 305.374.567 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.576.392 đồng; Nợ lãi quá hạn: 452.287.926 đồng; Phạt chậm trả: 140.885.617 đồng

- Hợp đồng thế tín dụng ngày 21/8/2017: Nợ gốc: 88.563.823 đồng; Nợ lãi: 187.713.723 đồng

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/4/2022, Công ty TNHH Đầu Tư – Xây dựng – Thương Mại Hồng Đức còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: DSA/Q11/17/0218/HDHM ngày 03/8/2017 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 21/8/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, Công ty TNHH Đầu Tư – Xây dựng – Thương Mại Hồng Đức không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Văn Th có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP VNTV theo hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0218/HDBL ngày 03/8/2017 đã ký giữa các bên.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Đầu Tư – Xây dựng – Thương Mại Hồng Đức phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.742.061 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi một) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 14.027.922 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0026520 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kiều Oanh